

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đỗ Văn Nghiêm**

Các Hội thẩm:

1. Ông **Trương Văn Minh**

2. Ông **Bùi Xuân Đăng**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hùng - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 148/2017/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2017/HSST - QĐ ngày 11/10/2017 đối với các bị cáo:

1. Trương Văn L, sinh năm: 1986; HKTT và chỗ ở: xóm C, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; con ông Trương Văn S; con bà Đoàn Thị Đ,

Tiền án, tiền sự: 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy – Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 9/2/2017 – Có mặt

2. Nguyễn Khắc D, sinh năm: 1993; HKTT và chỗ ở: xóm C, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; con ông Nguyễn Khắc Qu; con bà Vũ Thị B; có vợ là Trịnh Thị H, có 01 con nhỏ sinh năm 2013,

Tiền án, tiền sự: Không - Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/02/2017- có mặt

3. Trương Văn T, sinh năm: 1998; HKTT và chỗ ở: xóm C, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; con ông Trương Văn T, con bà Nguyễn Thị G,

Tiền án, tiền sự: Không - Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/02/2017- có mặt

Người bị hại:

1. Anh Nguyễn Thành Tr, sinh năm: 1988; HKTT: Đ, xã N, huyện T, tỉnh Hà Nam – Vắng mặt có lý do

2. Anh Bùi Văn S, sinh năm: 1995; HKTT: Đội 1, xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình – Vắng mặt có lý do

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1987; trú tại: Thôn K, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội – Có mặt

2. Anh Tạ Văn P, sinh năm 1986; trú tại: Xóm C, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội – Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Khoảng 00 giờ ngày 8/2/2017 anh Nguyễn Thành Tr và anh Bùi Văn S đi đến quán Internet của Tường Văn L tại xóm C, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội rủ L đi ăn nhậu, L đồng ý. Đến khoảng 2h00' cùng ngày, S, Tr, L đi về quán Internet của L thì gặp Nguyễn Khắc D và Tường Văn T. Tại đây, S, Tr, L, T, D rủ nhau đi hát Karaoke nhưng không quán karaoke nào mở cửa nên L rủ Tr, S, D, T đi đến thuê phòng 301 của nhà nghỉ Hoàng Long tại ngõ 8 B, xã O, huyện T, thành phố Hà Nội để ngủ. Trên đường đi đến nhà nghỉ L có bàn với D và T: Tr và S là người nơi khác đến lại có tiền nên khi vào nhà nghỉ L sẽ rủ Tr và S đánh bạc ăn tiền nếu thắng L sẽ đứng ra ép Tr và S phải trả tiền, còn nếu thua thì không phải trả tiền. Khi đến nhà nghỉ Hoàng Long, L bảo T đi mua 01 bộ bài tú lơ khơ; L rủ mọi người đánh bài; anh Tr và anh S nói không có tiền nên không chơi; L bảo, chơi vui cũng được. Lúc này, có 01 người phụ nữ tên Th đến chơi, Th mang theo ma túy đá đến và cùng L, T và D sử dụng. Sau đó Th đi về, còn lại L, D, Tr và S đánh bài tính điểm. Đến khoảng 14 giờ 00 ngày 8/2/2017, L và D nói với anh S và anh Tr thua 50.000.000 đồng không chơi nữa yêu cầu trả số tiền này thì anh Tr và anh S nói “chơi vui sao lại tính tiền” và không đồng ý trả tiền. Lúc này, T và D, L cùng nhau dùng tay chân đánh buộc anh Tr và anh S yêu cầu trả số tiền trên nhưng thấy anh Tr, anh S không có tiền, L nói “Chỗ quen biết anh em tao cho chúng mày 20.000.000 đồng còn 30.000.000 đồng phải trả bọn tao”. Sau đó, D, L, T bắt anh Tr, anh S dẫn về nhà trọ của hai anh để vay tiền trả cho L, D và T. Khi xuống thanh toán tiền phòng nghỉ, do không có tiền thanh toán nên L, T, D ép anh S phải để lại chiếc điện thoại Iphone 5s màu trắng tại lễ tân của nhà nghỉ Hoàng Long để làm tin. Khi về đến nhà trọ của anh Tr, anh S, anh Tr nói không vay được tiền để trả thì D, T, L cùng nhau dùng tay chân đánh anh Tr, anh S và bắt anh Tr mang chiếc xe máy Wave S 110 màu đỏ đen BKS 30Y2 – 7630 của anh Tr và bắt anh S mang chiếc xe máy Sirius 110 BKS 28F1-060.63 của anh S đi đến quán cầm đồ của anh Nguyễn Văn D (Sinh năm: 1987; HKTT: xóm K, xã H, huyện T, Hà Nội) bán và cầm cố. Nhưng anh D nói chỉ mua xe không nhận cầm cố. Do xe của anh S không có giấy tờ nên anh D không mua mà chỉ nhận mua chiếc xe máy của anh Tr nhưng anh Tr không đồng ý viết giấy bán xe cho anh D thì lại bị T, D, L chửi. Thấy vậy, anh D đuổi tất cả ra ngoài đường. Khi ra ngoài đường D, L và T lại đánh anh Tr làm cho anh Tr sợ phải vào viết giấy bán chiếc xe máy của anh Tr cho anh D với giá 10.000.000 đồng nhưng không lấy tiền mà ngay lúc đó, D đi vào nói với anh D cho D lấy chiếc xe đạp điện

mà trước đó D bán cho anh Đ và việc anh Tr bán chiếc xe máy trên là để thế vào chỗ chiếc xe đạp điện và anh Đ đồng ý. D lấy chiếc xe đạp điện này đưa cho T mang đi trả cho bạn D. Sau đó, T cùng anh S đi về nhà nghỉ Hoàng Long lấy chiếc điện thoại của anh S về đưa cho L. Khi từ nhà anh Đ về L, D tiếp tục ép anh Tr phải trả thêm 10.000.000 đồng nữa nhưng anh Tr không đồng ý thì lại bị L và D cùng nhau dùng tay chân đánh anh Tr. Do sợ hãi nên Tr phải đồng ý sẽ trả thêm cho T, L, D 5.000.000 đồng nữa. Sau đó, T, L và D đi về nhà; anh Tr đến gặp anh S và cùng đi về phòng trọ.

Đến khoảng 10 giờ ngày 9/02/2017, Lập nhờ Nguyễn Tá N (Sinh năm: 2002; HKTT: Xóm T, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội) đi bán hộ L chiếc điện thoại chiếm đoạt được của anh S và nhờ N mua cho L 500.000 đồng thẻ điện thoại Viettel. N bán chiếc điện thoại di động trên tại cửa hàng điện thoại của anh Tạ Văn P (Sinh năm 1986; Chỗ ở: Xóm C, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội) được 1.500.000 đồng. Sau đó, N mua 500.000 đồng thẻ điện thoại Viettel gồm 02 thẻ mệnh giá 200.000 đồng và 01 thẻ mệnh giá 100.000 đồng. N về đưa cho L số thẻ điện thoại Viettel nêu trên và 1.000.000 đồng, L đã sử dụng 01 chiếc thẻ mệnh giá 200.000 đồng.

Ngày 09/02/2017, anh Tr và anh S đã đến Công an huyện Thanh Trì trình báo sự việc như đã nêu trên. Trưởng Văn L đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra – Công an huyện Thanh Trì số tiền 1.000.000 đồng, 01 thẻ cào điện thoại viettel mệnh giá 200.000 đồng, 01 thẻ cào điện thoại viettel mệnh giá 100.000 đồng. Anh Đ đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra – Công an huyện Thanh Trì 01 chiếc xe máy Wave S BKS: 30Y2-7630, anh P giao nộp cho cơ quan điều tra – Công an huyện Thanh Trì 01 chiếc điện thoại Iphone 5s.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 137 ngày 01/06/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thanh Trì kết luận 01 chiếc xe máy hiệu HONDA Wave S 110: 4.135.000 đồng; 01 chiếc xe máy hiệu YAMAHA Sirius 110: 14.703.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 5s màu trắng: 2.800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản: 21.638.000 đồng

Bản cáo trạng số 131/KSĐT ngày 27/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì quyết định truy tố các bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà các bị cáo thừa nhận có hành vi bàn bạc rủ anh Tr và S đánh bạc, việc rủ đánh bạc chỉ là cái cớ để các bị cáo chiếm đoạt tài sản. Khi các bị cáo ép anh Tr và S trả 50.000.000 đồng thì anh Tr và S không có tiền trả nên đã giảm 20 triệu còn 30 triệu đồng, lúc này các bị cáo yêu cầu anh Tr và anh S phải trả 30 triệu đồng cho các bị cáo; anh Tr và anh S không có tiền để trả thì các bị cáo đánh và yêu cầu anh Tr và anh S phải mang xe máy đi bán hoặc cầm cố để lấy tiền trả và được khấu trừ vào số tiền 30.000.000 đồng.

Các bị cáo thừa nhận, thực tế mới cướp được 01 xe máy của anh Tr viết giấy bán cho anh Đ 10.000.000 đồng và 01 điện thoại của anh S bán được 1.500.000 đồng.

Cơ quan Viện kiểm sát truy tố các bị cáo chiếm đoạt số tiền 71.638.000 đồng là quá nặng, đề nghị Viện kiểm sát xem xét cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa đã luận tội, xem xét toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ, thông qua việc xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Viện kiểm sát đã rút số tiền 21.638.000 đồng là tiền 02 chiếc xe máy và 01 điện thoại di động, vì mục đích của số tiền này là để khấu trừ vào số tiền 50.000.000 đồng. Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội “Cướp tài sản”, các bị cáo nhằm chiếm đoạt 50.000.000 đồng là phạm vào điểm e khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự. Kiểm sát viên đối đáp, tội cướp là cấu thành hình thức, các bị cáo chỉ cần đánh và yêu cầu người bị hại phải trả cho các bị cáo 50.000.000 đồng là đã đủ cơ sở để truy tố. Do vậy, Viện kiểm sát giữ quan điểm truy tố các bị cáo theo điểm e khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự (trị giá tài sản 50.000.000 đồng) và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 133; Điều 33, 41, 42; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên phạt các bị cáo như sau: Trương Văn L mức án từ 8 năm đến 9 năm tù; Nguyễn Khắc D từ 7 năm 06 tháng đến 8 năm tù; Trương Văn T mức án từ 7 năm đến 7 năm 06 tháng tù. Về dân sự: Các bị hại không có yêu cầu gì nên không xét; các bị cáo phải trả cho anh P 500.000 đồng; các bị cáo phải trả cho anh Đ 10.000.000 đồng, số tiền này chia đều cho mỗi bị cáo. Vật chứng là 02 thẻ Viettel trị giá 300.000 cho sung quỹ nhà nước; truy thu của bị cáo L 200.000 đồng sung quỹ nhà nước; các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa, ý kiến phát biểu quan điểm giải quyết vụ án của kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận tội tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ có đủ cơ sở khẳng định:

Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Trì, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa các bị cáo trình bày đánh bạc là cái cớ để các bị cáo chiếm đoạt tài sản; còn mục đích của các bị cáo chỉ chiếm đoạt 30.000.000 đồng, không phải là 50.000.000 đồng, số tiền thực tế các bị cáo cướp được là 11.500.000 đồng, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 30.000.000 đồng; các bị cáo cũng khẳng định số tiền còn thiếu mà anh Tr, anh S không trả nốt cho các bị cáo thì các bị cáo tiếp tục đòi cho đủ số tiền 30.000.000 đồng. Căn cứ tài liệu

chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Khoảng 2 giờ ngày 8/2/2017, bị cáo L nảy sinh ý định cướp tài sản của anh Tr và anh S nên bị cáo L đã bàn với bị cáo D và bị cáo T rủ anh Tr và anh S đánh bạc để lấy cơ chiếm đoạt tài sản, nếu thắng L sẽ đứng ra ép anh Tr và anh S phải trả tiền, nếu thua không phải trả tiền. Bàn xong, khi về đến nhà nghỉ Hoàng Long, L bảo T đi mua 01 bộ bài tú lơ khơ; mua được bộ bài L, D rủ anh Tr và anh S đánh bài bằng nhiều hình thức, như chơi Liêng, chơi phỏm, chơi ba cây... với hình thức ghi điểm; khi chơi đến khoảng 14 giờ 00 ngày 8/2/2017, L và D nói anh S và anh Tr thua 50 điểm tương đương với 50.000.000 đồng, không chơi nữa và yêu cầu anh Tr anh S trả số tiền này, khi anh Tr và anh S không có tiền trả cho các bị cáo thì bị cáo L đã giảm 20.000.000 đồng cho anh Tr và anh S, mà chỉ yêu cầu phải trả 30.000.000 đồng cho các bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy, khi các bị cáo yêu cầu anh Tr và anh S phải đưa 50.000.000 đồng cho các bị cáo thì lúc này anh Tr và anh S chưa lâm vào tình trạng không thể kháng cự được, anh Tr và S vẫn phản kháng lại và nói “Chơi vui sao lại đòi tiền” quyết không nhận và đưa số tiền 50.000.000 đồng cho các bị cáo; chỉ khi đã giảm và yêu cầu anh Tr và anh S trả 30.000.000 đồng, nhưng anh Tr và S vẫn không trả thì các bị cáo dùng vũ lực tấn công quyết liệt, lúc này thật sự đã làm cho anh Tr và anh S lâm vào tình trạng không thể kháng cự được nữa mà phải mang tài sản của mình là xe máy đi bán và đặt để lấy tiền đưa cho các bị cáo. Tại phiên tòa các bị cáo cũng thừa nhận, tiền bán xe máy và điện thoại là 11.500.000 đồng sẽ được khấu trừ vào số tiền 30.000.000 đồng; số tiền còn thiếu nếu anh Tr và S không trả thì các bị cáo tiếp tục yêu cầu phải trả nốt cho đủ 30.000.000 đồng. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định, các bị cáo rủ người bị hại đánh bạc chỉ là cái cớ (Thủ đoạn) để các bị cáo chiếm đoạt tài sản; mục đích của các bị cáo là chiếm đoạt bằng được số tiền 30.000.000 đồng của anh Tr và anh S là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai tại phiên tòa.

Hành vi dùng vũ lực tấn công người bị hại nhằm chiếm đoạt 30.000.000 đồng làm cho người bị hại lâm vào tình trạng không thể kháng cự được mà phải mang tài sản của mình đem bán, đem đặt tài sản của mình để đưa cho các bị cáo là có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự, không cấu thành khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát truy tố. Do vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần xử phạt mức án nghiêm khắc. Khi xem xét đến lượng hình, Hội đồng xét xử đánh giá tính chất, vai trò, mức độ nguy hiểm của hành vi người phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của vụ án, thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, vì không có tiền ăn tiêu mà các bị cáo đã bàn bạc lấy cơ đánh bạc để cướp tài sản của người khác. Khi người bị hại phản kháng thì các bị cáo có hành vi dùng vũ lực tấn công người bị hại, làm cho người bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự được

và buộc phải mang tài sản là xe máy của mình đi bán, đi đặt để lấy tiền đưa cho các bị cáo. Trước khi phạm tội bị cáo L bàn với bị cáo D, bị cáo T về mục đích phạm tội, được bị cáo D, T tiếp nhận ý chí và cùng thực hiện phạm tội, do vậy, vụ án có tính chất đồng phạm. Tuy nhiên, bị cáo L là người tự khởi sự và bàn bạc với bị cáo D và T; phân công bị cáo T đi mua bộ bài, là người định đoạt và ấn định giá trị tài sản chiếm đoạt. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định bị cáo L có vai trò chính trong vụ án. Bị cáo D, bị cáo T được bị cáo L bàn đã tiếp nhận ý chí và cùng thực hiện tội phạm, tuy nhiên bị cáo D tham gia vai trò tích cực hơn bị cáo T và được hưởng 10 triệu đồng để lấy xe đạp điện trả cho bạn gái, do vậy xác định bị cáo D có vai trò thứ hai trong vụ án, bị cáo T có vai trò thấp hơn bị cáo L và bị cáo D. Các bị cáo có đầy đủ năng lực nhận thức được hành vi dùng vũ lực tấn công người có tài sản nhằm chiếm đoạt là nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe và tài sản của người khác là bất hợp pháp và vi phạm pháp luật nghiêm trọng; đã xâm phạm trực tiếp đến quyền nhân thân, quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do vậy, cần có mức án nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục bị cáo và mang tính răn đe, phòng ngừa chung.

Nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo L có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, thể hiện bị cáo L có nhân thân xấu, bị cáo D, bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự; các bị cáo là những thanh niên còn trẻ khỏe, lười lao động, không chịu tu dưỡng bản thân để trở thành người có ích cho gia đình và cho xã hội, mà ăn chơi đua đòi rồi phạm tội. Điều này thể hiện các bị cáo có lối sống buông thả và coi thường luật pháp. Sau khi phạm tội các bị cáo đã báo gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại chữa trị. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo để các cơ quan tiến hành tố tụng nhanh kết thúc vụ án. Đây được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Về dân sự: Anh P và anh Đ khi mua tài sản không biết tài sản do phạm tội mà có nên anh P yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 1.500.000 đồng; anh Đ yêu các bị cáo bồi thường số tiền 10.000.000 đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp thuận. Tuy nhiên, tài sản 1.500.000 đồng của anh P một mình L chiếm đoạt, cơ quan điều tra đã thu giữ của L 1.000.000 đồng, số tiền này cần trả cho anh P, L tiếp tục phải bồi thường cho anh P 500.000 đồng. Số tiền 10.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn Đ do một mình bị cáo D cầm và đã khấu trừ vào tiền cầm cố xe đạp điện của bạn gái D, do vậy D phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Đ số tiền này

Đối với chiếc điện thoại và chiếc xe máy BKS 30Y2 – 7630 và chiếc đăng ký xe máy, qua điều tra xác định là số tài sản của anh Tr và của anh S nên ngày 04/09/2017 cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Thanh Trì đã trao trả lại cho anh Tr và anh S, các anh đã nhận và không có ý kiến gì

Thương tích của anh Tr và anh S do bị L, D và T đánh không ảnh hưởng nhiều đến cơ thể nên các anh đều từ chối giám định thương tích; anh Tr và anh S không có yêu cầu đề nghị gì về bồi thường dân sự.

Đối với đối tượng tên Th là người mang ma túy đến và cùng D, T, L sử dụng, hiện chưa xác định tên tuổi địa chỉ của đối tượng này, ngày 05/09/2017 cơ quan công an huyện Thanh Trì đã ra quyết định tách rút tài liệu liên quan đến đối tượng Th để điều tra và xử lý sau.

Hành vi sử dụng ma túy của Tường Văn L, Tường Văn T và Nguyễn Khắc D, Công an huyện Thanh Trì đã ra quyết định xử phạt hành chính,

Anh Nguyễn Tá N là người bán, anh Tạ Văn P là người mua điện thoại Iphone 5s không biết là tài sản do L phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về vật chứng: Đối với 01 thẻ điện thoại Viettel mệnh giá 200.000 đồng và 01 thẻ điện thoại Viettel mệnh giá 100.000đ là tài sản phạm tội mà có cần cho bán sung quỹ nhà nước. 01 thẻ điện thoại Viettel mệnh giá 200.000 đồng L đã sử dụng, đây là tài sản phạm tội mà có do vậy bị cáo L phải truy nộp 200.000đồng để sung quỹ nhà nước.

Xét các bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo; Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo D phải chịu 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo luật định;

Từ các căn cứ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng khoản 1 Điều 133, điều 33, Điều 53, điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Tường Văn L, bị cáo Nguyễn Khắc D và bị cáo Tường Văn T phạm tội “Cướp tài sản”

Xử phạt: Tường Văn L 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/2/2017, tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt: Nguyễn Khắc D 04 (bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/2/2017, tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt: Tường Văn T 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/2/2017, tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật hình sự; Điều 76, 196, 231 và điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Buộc bị cáo D phải bồi thường cho anh Nguyễn Vũ Đ 10.000.000 đồng; bị cáo L bồi thường cho anh Tạ Văn P 500.000 đồng. Trùng hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự;

Bị cáo L Truy nộp 200.000 đồng sung công quỹ nhà nước. Sung quỹ nhà nước 01 thẻ điện thoại Viettel mệnh giá 200.000đồng và 01 thẻ điện thoại Viettel mệnh giá 100.000đ. Hoàn trả anh P 1.000.000đồng. Vật chứng hiện ở chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì theo biên bản bàn giao ngày 12/10/2017,

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo dân phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 500.000 đồng; bị cáo L phải nộp án phí dân sự là 300.000đồng.

Án xử sơ thẩm, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại có quyền kháng cáo bản án về phần hình phạt và phần bồi thường trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả xét xử; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về phần liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Trại tạm giam CATPHN;
- Chi cục THA huyện Thanh Trì;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;

Đỗ Văn Nghiêm